

Thành phần:

Mỗi viên nén bao phim có chứa:

Clopidogrel bisulfat USP tương đương Clopidogrel 75 mg.

Tá dược: Mannitol (Pearlitol SD 200), Microcrystalline cellulose, Hydroxy propyl cellulose, Poloxamer 407, Crospovidone, Colloidal silicon dioxide (aerosil-200, Magnesium stearate, Instacoat moist sheild – 2398, Red oxide iron colour, Polyoxo 35 castor oil.

Danh pháp hóa học và công thức phân tử:

Methyl (+)-(S)-alpha-(2-clorophenyl)-6,7-dihydrothieno [3,2-c] pyridin – 5(4H)-yl) acetat sulfat $C_{16}H_{16}ClNO_2S.H_2SO_4$.

Nhóm dược lý:

Clopidogrel ức chế chọn lọc quá trình gắn kết adenosin diphosphat (ADP) với thụ thể tại bề mặt tiểu cầu, do đó ức chế phản ứng hoạt hóa phức hợp glycoprotein GP IIb/IIIa qua trung gian ADP. Quá trình chuyển hóa sinh học của clopidogrel đóng vai trò cần thiết trong tác dụng ức chế kết tập tiểu cầu của thuốc. Clopidogrel cũng ức chế kết tập tiểu cầu thông qua các chất thủ vận khác nhờ ức chế khuếch đại phản ứng hoạt hóa tiểu cầu bởi ADP. Clopidogrel không ức chế hoạt tính của phosphodiesterase. Clopidogrel ức chế không hồi phục thụ thể ADP trên bề mặt tiểu cầu, do đó, thuốc có tác dụng trong suốt thời gian sống của tiểu cầu.

Được động học:

Clopidogrel được hấp thu nhanh nhưng không hoàn toàn qua đường tiêu hóa, mức độ hấp thu tối thiểu là 50%. Clopidogrel là một tiền thuốc và được chuyển hóa mạnh tại gan, chủ yếu tạo thành dẫn chất acid carboxylic không có hoạt tính. Chất chuyển hóa có hoạt tính yếu tạo thành dẫn chất acid carboxylic không có hoạt tính. Chất chuyển hóa có hoạt tính là dạng thiol nhưng không được tìm thấy trong huyết tương. Clopidogrel và dạng chuyển hóa acid carboxylic gắn mạnh với protein huyết tương. Clopidogrel và các chất chuyển hóa được thải trừ qua nước tiểu và phân; khoảng 50% liều sử dụng qua đường uống được tìm thấy trong nước tiểu và khoảng 46% được tìm thấy trong phân.

Chỉ định:

Clopidogrel được chỉ định để làm giảm nguy cơ nghẽn mạch huyết khối như:

Nhồi máu cơ tim, đột quỵ hoặc bệnh động mạch ngoại vi đã xác định

Hội chứng mạch vành cấp;

- Ở bệnh nhân đau thắt ngực không ổn định hoặc nhồi máu cơ tim không có sóng Q, kể cả bệnh nhân đã trải qua can thiệp mạch vành qua da (có hoặc không đặt stent) hoặc phẫu thuật bắc cầu động mạch vành
- Nhồi máu cơ tim cấp với đoạn ST chênh lên

Chống chỉ định:

Quá mẫn với clopidogrel hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc

Chảy máu bệnh lý như loét dạ dày hoặc xuất huyết nội sọ

Thận trọng và cảnh báo:

Clopidogrel làm kéo dài thời gian chảy máu, do đó cần thận trọng khi sử dụng cho bệnh nhân có nguy cơ chảy máu cao như chấn thương, phẫu thuật hoặc các tình trạng bệnh lý khác (đặc biệt là xuất huyết ở đường tiêu hóa hoặc tại mắt).

Nếu bệnh nhân phải trải qua phẫu thuật và có thể tạm ngừng sử dụng thuốc ức chế kết tập tiểu cầu, nên ngừng sử dụng clopidogrel 5 ngày trước khi phẫu thuật.

Do nguy cơ xuất huyết và các tác dụng không mong muốn về mặt huyết học, cần kiểm tra số lượng hồng cầu và/hoặc tiến hành các xét nghiệm cần thiết khác khi bệnh nhân có các triệu chứng nghi ngờ xuất huyết trong quá trình sử dụng thuốc.

Ở bệnh nhân bị thiếu máu cục bộ thoáng qua hoặc đột quỵ gần đây có nguy cơ cao tái phát các triệu chứng thiếu máu cục bộ, sử dụng phối hợp aspirin với clopidogrel không mang lại hiệu quả tốt hơn so với sử dụng clopidogrel đơn độc mà làm tăng nguy cơ xuất huyết.



glenmark

Glenmark Pharmaceuticals Ltd.

3 rd Floor, Vinaconex Building, 47, Dien Bien Phu Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam. Tel: +84 8 3910 4952 Fax: +84 8 3910 4835

Sản xuất tại Plethico Pharmaceutical Limited
A3. Road, Manglia - 453771, Indore MP, India.

Sheela
25/11/18